TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1836/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/10/2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn

2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Trang là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 630/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/4/2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 398/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Thôn 7, xã B, huyện N, thành phố H.

Bị đơn: Ông Đoàn Q; địa chỉ thường trú: Thôn 7, xã B, huyện N, thành phố H; địa chỉ tạm trú: Số A Đường N, Phường A, quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2019, bản tự khai, nguyên đơn trình bày: Bà và ông Đoàn Q tự nguyện kết hôn, đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 01/99 ngày 14/9/1999. Trong thời gian chung sống, ông bà thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc. Đôi bên đã cố gắng để hàn gắn tình cảm nhưng không mang lại kết quả. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Ông bà có 03 con chung là Đoàn G sinh ngày 04/8/2000, Đoàn T sinh ngày 10/11/2004 và Đoàn H sinh ngày 10/11/2004. Bà đồng ý

giao hai con T, H cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng và bà cấp dưỡng nuôi con là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/trẻ/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu được vắng mặt tại tất cả các phiên họp, phiên tòa xét xử vụ án.

Tại bản tự khai, bị đơn trình bày: Ông thống nhất với phần trình bày của bà H về quan hệ hôn nhân, về con chung. Ông chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà H. Ông yêu cầu được vắng mặt tại tất cả các phiên họp, phiên tòa xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Căn cứ khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[3]. Về nội dung:

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, thấy căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số số 33, quyển số 01/99 ngày 14/9/1999 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện N, thành phố H cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn Q thể hiện quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với lý do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, đời sống chung không hạnh phúc. Bị đơn cũng thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung là Đoàn G sinh ngày 04/8/2000, Đoàn T sinh ngày 10/11/2004 và Đoàn H sinh ngày 10/11/2004. Nguyên đơn yêu cầu giao cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ T, H và nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/trẻ/tháng. Bị đơn đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và các trẻ T, H

cũng có nguyện vọng được ở với bị đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273; Điều 280, khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị H:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Đoàn Q.

- Về con chung: Giao cho ông Đoàn Q trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục hai trẻ Đoàn T sinh ngày 10/11/2004 và Đoàn H sinh ngày 10/11/2004. Bà Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/trẻ/tháng cho đến khi trẻ thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị H phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0020697 ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H còn phải nộp 300.000 đồng.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND xã B, huyện N, thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh

Nơi nhận:
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND X.Hòa Bình, H. Thủy Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh